TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **45**/2017/DSST Ngày: 28/9/ 2017**.** V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Giáp Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2016, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐST-DSTC ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Chị Vũ Vân A, sinh năm 1984- Có mặt.

2. Anh Tạ Văn O, sinh năm 1979 (anh O ủy quyền cho chị Vũ Vân A, theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2017) - Có mặt.

Đều địa chỉ: Số nhà 240, đường Trường Chinh, khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965** (Bà Hồng ủy quyền cho ông Trần Mạnh H, sinh năm 1959, theo giấy ủy quyền ngày 11/8/2017)- Có mặt.

Địa chỉ: khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **ông Trần Mạnh H, sinh năm 1959**- Có mặt.

Địa chỉ: khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2017 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện H, tỉnh B, nguyên đơn (chị Vũ Vân A và anh Tạ Văn O- ủy quyền cho chị Vũ Vân A) trình bày như sau:

Quan hệ giữa vợ chồng chị Vân A, anh O và vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Trần Mạnh H đều có địa chỉ: khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh B là quan hệ hàng xóm. Ngày 09/8/2016 bà H có đến nhà anh O, chị Vân A hỏi vay số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) nói là để làm ăn kinh doanh. Vợ chồng anh O, chị Vân A đồng ý cho bà H vay số tiền 220.000.000đ, hai bên đã lập văn bản (giấy biên nhận vay tiền) đề ngày 09/8/2016 (âm lịch), thời gian vay 6 tháng trả dần, bà H đã ký vào giấy vay tiền này. Sau khi vay 220.000.000đ, đến ngày 29/12/2016 (âm lịch) bà H đã trả cho anh O, chị Vân A được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc, sau đó bà H không trả được thêm số tiền gốc và lãi nào nữa. Khi lập giấy vay tiền hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất. Anh O và chị Vân A đã yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc và lãi vay nhiều lần nhưng bà H không trả được thêm số tiền nào khác. Vì vậy anh O, chị Vân A làm đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Nay anh O và chị Vân A đề nghị Tòa án giải quyết để buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H phải trả cho anh O, chị Vân A số tiền gốc vay còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật do anh O và chị V không tính được số lãi cụ thể, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị đơn (bà Nguyễn Thị H- ủy quyền cho ông Trần Mạnh H) trình bày: Năm 2013 bà H có làm ăn với vợ chồng anh O, chị Vân A là hàng xóm cùng khu phố. Bà H có vay của anh O, chị Vân A 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên. Bà H vay của anh O, chị Vân A lại cho anh T, chị T ở Dinh H, Đức T vay lại với lãi suất cũng do hai bên thỏa thuận. Sau hơn 1 năm việc làm ăn giữa hai bên vẫn bình thường, hàng tháng bà Hvẫn trả lãi cho vợ chồng chị Vân A đều đặn, tiền lãi trả cho chị Vân A khoảng 30 triệu đồng. Đến năm 2014 do anh T, chị T không trả lãi cho vợ chồng bà H vì vậy vợ chồng bà Hg không thanh toán trả được tiền gốc và lãi đã vay cho vợ chồng chị Vân A. Sau đó vợ chồng bà H bán lô đất ở thành phố Bắc Giang trả được cho vợ chồng chị Vân A được 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Đến nay bà H, ông H xác nhận còn nợ của vợ chồng anh O, chị Vân A số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Vợ chồng chị Vân A có đơn khởi kiện vợ chồng bà H, ông H phải trả cho vợ chồng anh O, chị Vân A số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay là 09/8/2016 (âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2017 bà H, ông H nhất trí trả nhưng đề nghị được trả vợ chồng chị Vân A mỗi tháng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ vì điều kiện kinh tế, thu nhập hàng tháng của vợ chồng bà H, ông H rất khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Trần Mạnh H) trình bày: Ông nhất trí với ý kiến của bị đơn là bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng:***

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2017 của anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A được xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. ***Về nội dung tranh chấp:***

Bà Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn O, chị Vũ Vân A tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 09/8/2016 (âm lịch), xác nhận là hợp đồng hợp pháp đ- ợc pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Tạ Văn O, chị Vũ Vân A yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Mạnh H phải trả 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc còn nợ, thấy rằng: phía bà H, ông H cũng thừa nhận đã vay của anh O, chị Vân A số tiền 220 triệu đồng và đã thanh toán trả cho anh O, chị Vân A được 20 triệu đồng tiền gốc ngày 29/12/2016 (âm lịch), số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, bà H, ông H xin trả anh O, chị Vân A mỗi tháng từ 2 đến 3 triệu đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H, ông Trần Mạnh H còn nợ của anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A 200.000.000đ tiền gốc theo hợp đồng vay giữa hai bên ngày 09/8/2016 (âm lịch). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A là có căn cứ, cần buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Mạnh H phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A số tiền gốc còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Xét yêu cầu của anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Mạnh H phải thanh toán cho anh O, chị Vân A số tiền lãi phát sinh từ khi bà H vay là ngày 09/8/2016 (âm lịch) tức ngày 09/9/2016 bà H, ông H chưa thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa vợ chồng anh O, chị Vân A và bà H ở thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, vì vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp trong vụ án. Trong vụ án này giữa anh O, chị Vân A và bà H không thỏa thuận lãi trong hợp đồng, thời gian vay là 6 tháng trả dần, nhưng anh O, chị Vân Avà bà H, ông H đều xác định có thỏa thuận miệng về lãi suất và không ghi vào hợp đồng nên không xác định rõ lãi suất của hợp đồng là bao nhiêu, không thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn, vì vậy xác định là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất. Ngày trả nợ của hợp đồng xác định là sau 6 tháng (tức là ngày 09/3/2017) nên xác định được

từ ngày 09/9/2016 đến ngày 09/3/2017 được tính lãi trong hợp đồng và từ ngày 10/3/2017 đến ngày 28/9/2017 xác định là những ngày tính lãi quá hạn của hợp đồng. Do đó cần tính lãi suất trong hạn và quá hạn để buộc bà H, ông H thanh toán trả cho anh O, chị Vân A là phù hợp. Tuy nhiên, do không xác định được rõ lãi suất trong hạn hai bên thỏa thuận là bao nhiêu nên lãi trong hạn và lãi quá hạn đều xác định theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy đinh mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Vì vậy cần tính mức lãi suất là 0,75%/tháng để buộc bà H, ông H phải thanh toán lãi trả cho anh O, chị Vân A đối với số tiền bà H, ông H chậm trả. Từ ngày vay 09/9/2016 đến ngày 09/3/2017 và từ ngày 10/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2017) bà H, ông H không thanh toán trả cho anh O, chị Vân A toàn bộ số tiền lãi trên số nợ gốc đã vay, đã vi phạm vào thỏa thuận về việc trả lãi vì vậy bà H, ông H phải thanh toán toàn bộ tiền lãi cho anh O, chị Vân A trên số nợ gốc vay kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Như vậy, lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

+ Từ ngày 09/9/2016 (tức ngày 09/8/2017 âm lịch) đến ngày 26/01/2017 (tức ngày 29/12/2016 âm lịch) là là 04 tháng 17 ngày, số tiền lãi là {(220.000.000đ x 0,75% x 04 tháng = 6.600.000đ) + (220.000.000đ x 0,75% x 17 ngày : 30 = 935.000đ)}= **7.535.000đ (Bẩy triệu năm trăm ba mươi năm nghìn đồng).**

+ Từ ngày 27/01/2017 đến ngày 28/9/2017 là là 08 tháng 01 ngày, số tiền lãi là {(200.000.000đ x 0,75% x 08 tháng = 12.000.000đ) + (200.000.000đ x 0,75% x 01 ngày : 30 = 50.000đ)}= **12.050.000đ (Mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).**

Tổng số tiền lãi bà H, ông H phải thanh toán trả anh O, chị Vân A là **19.585.000đ (Mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).**

Vì vậy, yêu cầu của anh Tạ Văn O, chị Vũ Vân A yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Mạnh H phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ theo quy định của pháp luật đ- ợc chấp nhận, cần buộc bà H, ông Hphải thanh toán tổng số lãi trên số tiền gốc còn nợ của hợp đồng vay là **19.585.000đ (Mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).**

Quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì bà H, ông H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho anh Tạ Văn O, chị Vũ Vân A của hợp đồng vay tài sản nêu trên, cụ thể gốc là **200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng),** lãi là **19.585.000đ (Mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).** Tổng gốc và lãi là: **219.585.000đ (Hai trăm mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).**

[3]. Về án phí: yêu cầu của anh Tạ Văn O, chị Vũ Vân A đ- ợc chấp nhận, vì vậy bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Tạ Văn O, chị Vũ Vân A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 131; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A;

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi là 19.585.000đ (Mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng gốc và lãi là: **219.585.000đ (Hai trăm mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).**

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H phải liên đới chịu 10.979.000đ (Mười triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Vũ Vân A số tiền 6.112.500đ (Sáu triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, Điều 688, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 131; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A;

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả anh Tạ Văn O và chị Vũ Vân A số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi là 19.585.000đ (Mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng gốc và lãi là: **219.585.000đ (Hai trăm mười chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).**

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về

án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mạnh H phải liên đới chịu 10.979.000đ (Mười triệu chín trăm bẩy mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Vũ Vân A số tiền 6.112.500đ (Sáu triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001721 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10/%/năm, t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đ- ơng sự có mặt biết đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án;
- L- u.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn